

Số: 220/2015/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối tượng học nghề thuộc danh mục
nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 7119/TTr-UBND ngày 19/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối tượng học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-HĐND ngày 04/12/2015 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối tượng học nghề trong danh mục các nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

1. Phạm vi và đối tượng: Hỗ trợ học phí học nghề đối với học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh, học hệ chính quy các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh.

2. Thời gian thực hiện chính sách

Học sinh, sinh viên được tuyển sinh trong thời gian từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2020 (*Học sinh, sinh viên được tuyển sinh trong năm 2018, năm 2019 và năm 2020 sẽ được hỗ trợ đến khi kết thúc khóa học*).

3. Danh mục nghề khuyến khích đào tạo

Danh mục các nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 - 2020 (Phụ lục kèm theo). Hằng năm, căn cứ điều kiện, nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Nguyên tắc hỗ trợ

- Người được hưởng hỗ trợ học nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề chỉ được hỗ trợ một lần khi thực hiện chính sách này;

- Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó;

- Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian thực học nhưng không quá 30 tháng đối với hệ cao đẳng; không quá 20 tháng đối với hệ trung cấp.

5. Mức hỗ trợ học phí học nghề

- Trình độ cao đẳng: 50% mức lương cơ sở/người/tháng;

- Trình độ trung cấp: 40% mức lương cơ sở/người/tháng.

Mức lương cơ sở áp dụng theo quy định của Nhà nước tại từng thời điểm.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XII, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 12/12/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2016. /.

Nơi nhận:


- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc, Ủy ban VH, GD, TN, TN&NĐ, Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc và các Bộ: LĐ-TB&XH, GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng và các ban của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ninh, TTTT (Vp UBND tỉnh);
- LĐ/CV Vp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đọc

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NGHỀ KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO
CỦA TỈNH QUẢNG NINH, GIAI ĐOẠN 2016 – 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 220/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Tên nghề	Mã nghề		Ghi chú
		Trình độ trung cấp	Trình độ cao đẳng	
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	40810204	50810204	
2	Hướng dẫn du lịch	40810101	50810101	
3	Nghiệp vụ lưu trú	40810202	50810202	
4	Quản trị khách sạn	40810207	50810207	
5	Quản trị khu Resort	40810208	50810208	
6	Điều khiển tàu biển (Đánh bắt thủy sản xa bờ)	40840102	50840102	
7	Phòng và chữa bệnh thủy sản	40620304	50620304	